BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: 29 Cách Mạng Tháng 8, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

BAN LÃNH ĐẠO VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Trưởng Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trần Minh Tâm	Chủ tịch Công ty
Bà	Nguyễn Thị Ánh Xuân	Giám đốc Công ty
Ông	Lê Minh Huy	Phó Giám đốc
Ông	Phạm Hoàng Hải	Phó Giám đốc
Ông	Đặng Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà	Bùi Thị Yến Ni	Kế toán trưởng
Bà	Võ Thị Hồng Đoan	Trưởng Ban kiểm soát

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Trần Minh Tâm – Chủ tịch Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo

Trần Minh Tâm
Chủ tịch Công ty
Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Số: 280225.033/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Lãnh đạo**
Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ được lập ngày 28 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 (1) – về tiền thuê đất phát sinh hàng năm (từ năm 2010) sẽ được Công ty tập hợp, chờ kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư vào Công ty CP Dầu khí MeKong (Thuyết minh 04) theo hướng dẫn của Sở Tài chính ngày 09/06/2010.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0744-2023-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Trần Văn Chiến
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 6493-2024-002-1

Mẫu B01 - XS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.043.439.992.934**	**921.707.958.230**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**114.402.809.081**	**382.382.431.305**
111	1. Tiền		34.402.809.081	52.382.431.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		80.000.000.000	330.000.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**600.000.000.000**	**225.000.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000.000	225.000.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**322.079.880.492**	**310.332.954.212**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	292.220.174.683	297.676.463.774
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		220.441.364	516.605.448
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	29.639.264.445	12.166.794.525
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(26.909.535)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**6.513.625.121**	**3.453.253.237**
141	1. Hàng tồn kho	7	6.513.625.121	3.453.253.237
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**443.678.240**	**539.319.476**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	318.803.991	460.776.166
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		124.874.249	78.543.310
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**355.472.905.683**	**355.276.166.701**
220	**I. Tài sản cố định**		**184.685.262.219**	**191.507.055.957**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	183.875.373.333	190.479.433.742
222	*- Nguyên giá*		*290.215.197.291*	*289.365.364.571*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(106.339.823.958)*	*(98.885.930.829)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	809.888.886	1.027.622.215
228	*- Nguyên giá*		*1.624.032.909*	*1.624.032.909*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(814.144.023)*	*(596.410.694)*
230	**II. Bất động sản đầu tư**	**11**	**84.369.584.020**	**88.044.471.676**
231	- Nguyên giá		111.571.911.159	111.571.911.159
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.202.327.139)	(23.527.439.483)
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**		**14.410.777.778**	**1.797.498.989**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	14.410.777.778	1.797.498.989
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**4**	**34.687.432.568**	**34.703.870.082**
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.461.833.162	19.461.833.162
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.169.400.000	22.169.400.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(6.943.800.594)	(6.927.363.080)
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**37.319.849.098**	**39.223.269.997**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	37.319.849.098	39.223.269.997
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.398.912.898.617**	**1.276.984.124.931**

Mẫu B01 - XS

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**749.532.898.617**	**642.080.029.530**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**749.098.931.177**	**641.427.203.670**
312	1. Phải trả người bán ngắn hạn		34.799.250	1.055.342.800
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	528.369.903.319	417.903.706.242
315	3. Phải trả người lao động		12.951.875.174	15.749.810.151
316	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		166.328.705	177.978.972
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		420.144.322	414.144.322
321	6. Dự phòng rủi ro trả thưởng	14	189.593.655.300	189.593.655.300
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	15	17.562.225.107	16.532.565.883
330	**II. Nợ dài hạn**		**433.967.440**	**652.825.860**
337	1. Phải trả dài hạn khác		433.967.440	652.825.860
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**649.380.000.000**	**634.904.095.401**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**649.380.000.000**	**634.904.095.401**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		649.380.000.000	634.904.095.401
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.398.912.898.617**	**1.276.984.124.931**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1. Công cụ, dụng cụ lâu bền đang sử dụng		7.447.314.489	7.440.114.489
2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		456.110.878.919	411.994.810.287
3. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		163.735.000.000	120.360.000.000

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CẦN THƠ

Phan Kim Ngọc	**Bùi Thị Yến Ni**	**Trần Minh Tâm**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
		Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Mẫu B02 - XS

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	**1. Doanh thu**	**17**	**5.868.523.883.671**	**5.749.339.075.035**
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		5.863.476.763.637	5.745.262.281.818
01.1.1	*1.1.1. Xổ số truyền thống*		*5.863.476.763.637*	*5.745.262.281.818*
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		5.047.120.034	4.076.793.217
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**18**	**764.801.316.992**	**749.382.036.757**
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		764.801.316.992	749.382.036.757
02.1.1	*2.1.1. Xổ số truyền thống*		*764.801.316.992*	*749.382.036.757*
10	**3. Doanh thu thuần**		**5.103.722.566.679**	**4.999.957.038.278**
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		5.098.675.446.645	4.995.880.245.061
10.1.1	*3.1.1. Xổ số truyền thống*		*5.098.675.446.645*	*4.995.880.245.061*
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		5.047.120.034	4.076.793.217
11	**4. Chi phí kinh doanh**	**19**	**4.220.311.924.570**	**4.147.180.987.722**
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		4.209.470.920.018	4.135.978.102.011
11.1.1	*4.1.1. Chi phí trả thưởng*		*3.168.216.700.000*	*3.077.650.600.000*
11.1.2	*4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số*		*1.041.254.220.018*	*1.058.327.502.011*
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		10.841.004.552	11.202.885.711
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**883.410.642.109**	**852.776.050.556**
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		889.204.526.627	859.902.143.050
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		(5.793.884.518)	(7.126.092.494)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	22.263.356.498	34.811.172.697
22	7. Chi phí tài chính	21	16.437.514	(3.828.004.522)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	133.852.478.713	159.063.273.544
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**771.805.082.380**	**732.351.954.231**
31	11. Thu nhập khác	23	3.041.964.722	1.441.506.268
32	12. Chi phí khác		656.369.584	553.439.179
40	**13. Lợi nhuận khác**		**2.385.595.138**	**888.067.089**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**774.190.677.518**	**733.240.021.320**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	155.198.348.415	147.305.430.605
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**618.992.329.103**	**585.934.590.715**

Phan Kim Ngọc	**Bùi Thị Yến Ni**	**Trần Minh Tâm**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Mẫu B03 - XS

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		6.457.472.163.732	6.299.270.788.731
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.184.040.617.337)	(4.105.008.148.657)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(62.995.199.029)	(59.748.826.471)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(92.180.636.996)	(132.899.009.072)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		129.160.689.760	129.979.717.598
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.598.757.801.321)	(1.546.701.812.354)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***648.658.598.809***	***584.892.709.775***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.710.780.989)	(2.125.649.179)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.696.875.398	5.810.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.155.000.000.000)	(390.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		780.000.000.000	500.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.479.986.637	27.129.576.804
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(364.533.918.954)***	***135.009.737.625***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(552.104.302.079)	(384.219.934.484)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***(552.104.302.079)***	***(384.219.934.484)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**(267.979.622.224)**	**335.682.512.916**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**382.382.431.305**	**46.699.918.389**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**114.402.809.081**	**382.382.431.305**

Phan Kim Ngọc	**Bùi Thị Yến Ni**	**Trần Minh Tâm**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
		Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Mẫu B09 - XS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 11 ngày 10 tháng 04 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: 29 Cách Mạng Tháng 8, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xổ số, cá cược, đánh bạc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 10/04/2024 là:
- Kinh doanh Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà hàng;
- Quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng...

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ tháng 10 năm 2024, Bộ Tài chính cho phép Công ty tăng lượng vé phát hành từ 12 triệu vé/kỳ lên 13 triệu vé/kỳ (tức tăng 1 triệu vé/kỳ) dẫn đến doanh thu và chi phí năm 2024 của Công ty tăng so với năm 2023.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ - Nhà khách - Trạm giao dịch Vé số kiến thiết Cần Thơ	Tổ 2, ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh dịch vụ Nhà khách

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:
- Dự phòng đầu tư tài chính;
- Dự phòng rủi ro trả thưởng;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Dự thu lãi tiền gửi;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Cây lâu năm	04	năm
- Các tài sản khác	06 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm
- Quyền sử dụng đất	không thời hạn	

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại sau khi nhận chuyển nhượng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm. Riêng với phí phát sinh để có được khoản góp vốn vào Công ty CP Dầu khí MeKong và Công ty TNHH Victoria Cần Thơ sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Dự phòng rủi ro trả thưởng

Theo quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thưởng đối với xổ số truyền thống là 50%.
Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**
Trong đó:
- DPtt: Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

2.20 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.21 . Ghi nhận chi phí tiền lương

Quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 27/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 và Thông tư số 26/2016/TT-BLDTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	3.429.164.730	1.635.641.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.973.644.351	50.746.790.147
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	330.000.000.000
	114.402.809.081	**382.382.431.305**

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 4,4 %/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2024 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
- Chi nhánh Tây Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
	80.000.000.000

Mẫu B09 - XS

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	600.000.000.000	225.000.000.000
	600.000.000.000	**225.000.000.000**

(*) Tại ngày 31/12/2024, tiền gửi có kỳ hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,7%/năm, chi tiết bao gồm:

	31/12/2024
	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	100.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	110.000.000.000
- Chi nhánh Thủ Thiêm	60.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	70.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ II	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	100.000.000.000
- Chi nhánh Tây Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ	35.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Cần Thơ	15.000.000.000
	600.000.000.000

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh	19.461.833.162	-	19.461.833.162	(752.663.730)
Công ty khác	22.169.400.000	(6.943.800.594)	22.169.400.000	(6.174.699.350)
	41.631.233.162	**(6.943.800.594)**	**41.631.233.162**	**(6.927.363.080)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên đơn vị nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty TNHH Victoria Cần Thơ	TP. Cần Thơ	40,0%	40,0%	Khách sạn
Đầu tư vào công ty khác				
Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong	TP. Cần Thơ	4,31%	4,31%	Xăng dầu

Công ty đang thực hiện thoái vốn đối với các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Victoria Cần Thơ và Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025. Theo đó, thời gian thực hiện thoái vốn kể từ ngày ký đến hết năm 2025.

Mẫu B09 - XS

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên khác		
Đại lý xổ số truyền thống	***292.166.591.000***	***297.662.911.000***
- Đại lý Mai Hữu Ánh	50.778.450.000	59.887.800.000
- Đại lý Trương Thị Ngọc Thủy	20.280.600.000	20.991.600.000
- Đại lý Trương Văn Sơn	18.393.375.000	16.972.427.000
- Phải thu các đại lý khác	202.714.166.000	199.811.084.000
Phải thu khách hàng khác	***53.583.683***	***13.552.774***
	292.220.174.683	**297.676.463.774**

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Lãi dự thu tiền gửi	7.017.828.768	11.234.458.907
- Phải thu giảm giá trị quyết toán công trình	621.435.677	905.426.083
- Phải thu Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiền đã chi hộ (*)	22.000.000.000	-
- Phải thu khác	-	26.909.535
	29.639.264.445	**12.166.794.525**

(*) Căn cứ Công văn số 5569/UBND-KT ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ về việc tạm ứng kinh phí chi trợ cấp ưu đãi Người có công với cách mạng 02 tháng cuối năm 2024. Ngày 03/01/2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã hoàn trả lại cho Công ty khoản tạm ứng này.

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Nguyên liệu, vật liệu	10.559.397	10.381.721
- Hàng quảng cáo, biếu tặng	2.484.158.334	970.735.390
- Công cụ, dụng cụ	98.702.269	50.073.919
- Hàng hóa	20.205.121	22.062.207
- Vé xổ số	3.900.000.000	2.400.000.000
	6.513.625.121	**3.453.253.237**

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Mua sắm hệ thống Lồng cầu điện tử	14.355.222.222	-
Mua sắm xe bán tải, xe tải	-	1.797.498.989
Cải tạo, sửa chữa Trạm giao dịch vé số Kiến thiết Cần Thơ tại TP.Hồ Chí Minh	55.555.556	-
	14.410.777.778	**1.797.498.989**

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

Mẫu B09 - XS

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	**Cộng**
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	429.750.000	1.194.282.909	1.624.032.909
Số dư cuối năm	**429.750.000**	**1.194.282.909**	**1.624.032.909**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	596.410.694	596.410.694
- Khấu hao trong năm	-	*217.733.329*	*217.733.329*
Số dư cuối năm	**-**	**814.144.023**	**814.144.023**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	429.750.000	597.872.215	1.027.622.215
Tại ngày cuối năm	**429.750.000**	**380.138.886**	**809.888.886**

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 164F, Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng làm văn phòng làm việc và trạm giao dịch vé số kiến thiết Cần Thơ.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	**Cộng**
	VND	VND	**VND**
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	82.529.762.668	29.042.148.491	111.571.911.159
Số dư cuối năm	**82.529.762.668**	**29.042.148.491**	**111.571.911.159**
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.772.122.507	12.755.316.976	23.527.439.483
- Khấu hao trong năm	*1.652.767.140*	*2.022.120.516*	*3.674.887.656*
Số dư cuối năm	**12.424.889.647**	**14.777.437.492**	**27.202.327.139**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	71.757.640.161	16.286.831.515	88.044.471.676
Tại ngày cuối năm	**70.104.873.021**	**14.264.710.999**	**84.369.584.020**

Bất động sản đầu tư là văn phòng cho thuê gồm 7 tầng từ tầng 9-16 (trừ tầng thứ 13) của tòa nhà tại số 29 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ được sử dụng với mục đích cho thuê văn phòng với tổng diện tích là 3.444,65 m2.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	318.803.991	460.776.166
	318.803.991	**460.776.166**
Dài hạn		
- Chi phí nhận chuyển nhượng đầu tư (1)	7.386.996.928	7.231.441.373
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất (2)	29.370.171.241	30.368.590.657
- Chi phí sửa chữa, xuất dùng CCDC và các khoản khác	562.680.929	1.623.237.967
	37.319.849.098	**39.223.269.997**

Mẫu B09 - XS

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(1) Là chi phí phát sinh sau khi Công ty nhận quyền đại diện vốn góp của UBND tại Công ty CP Dầu khí MeKong và được hạch toán theo hướng dẫn của Sở Tài chính ngày 09/06/2010. Do Công ty đang trong quá trình thoái vốn nên chi phí này sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 4). Chi phí tăng lên trong kỳ là tiền thuê đất năm 2024.

(2) Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được ghi nhận (cùng với tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị chuyển nhượng là 87.874.982.000 đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất giữa Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nông Súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Cửu Long Phú Quốc Resort với Chi nhánh Nhà khách - Trạm giao dịch VSKT tại Phú Quốc ngày 24 tháng 12 năm 2012. Ngoài hợp đồng chuyển nhượng này, Chi nhánh Nhà khách còn phải trả tiền thuê đất hàng năm cho cơ quan Thuế tỉnh Kiên Giang.

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 02.

14 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỞNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	189.593.655.300	152.092.473.600
- Trích lập bổ sung trong năm	-	37.501.181.700
	189.593.655.300	**189.593.655.300**

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	**Cộng** **VND**
Số dư đầu năm	**634.904.095.401**	**-**	**-**	**634.904.095.401**
Lãi trong năm trước	-	-	585.934.590.715	585.934.590.715
Trích lập các quỹ	-	-	(15.230.288.636)	(15.230.288.636)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	-	(570.704.302.079)	(570.704.302.079)
Số dư cuối năm	**634.904.095.401**	**-**	**-**	**634.904.095.401**
Tăng vốn trong năm nay (i)	14.475.904.599	(14.475.904.599)	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	618.992.329.103	618.992.329.103
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	14.475.904.599	(14.475.904.599)	-
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	(15.232.229.534)	(15.232.229.534)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách (ii)	-	-	(589.284.194.970)	(589.284.194.970)
Số dư cuối năm nay	**649.380.000.000**	**-**	**-**	**649.380.000.000**

(i) Theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 01/04/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Công ty được bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024 là 14.475.904.599 đồng.

(ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

Mẫu B09 - XS

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	649.380.000.000	100,00	634.904.095.401	100,00
	649.380.000.000	**100,00**	**634.904.095.401**	**100,00**

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích (m2)
Số 29 Cách Mạng Tháng Tám, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Hợp đồng số 07/HĐTĐ-2024 ngày 14/06/2024	Làm trụ sở Công ty, cho thuê	50 năm	1.306,20
Thửa đất tại xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Hợp đồng số 40,42/HĐTĐ ngày 18/08/2014	Kinh doanh	40 năm	9.835,70

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tại trụ sở Công ty	***5.867.956.701.638***	***5.748.737.942.409***
- Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	5.863.476.763.637	5.745.262.281.818
- Doanh thu cung cấp kết quả xổ số	45.454.545	47.272.728
- Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	4.434.483.456	3.428.387.863
Tại Chi nhánh (*)	***567.182.033***	***601.132.626***
- Doanh thu cho thuê phòng	371.698.655	484.132.155
- Doanh thu nhà hàng và dịch vụ khác	195.483.378	117.000.471
	5.868.523.883.671	**5.749.339.075.035**

(*) Chi nhánh Nhà khách - Trạm giao dịch Vé số kiến thiết Cần Thơ (Thuyết minh 01) đang trong quá trình tái cơ cấu theo Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2021-2025. Theo đó, thời gian thực hiện thoái vốn kể từ ngày ký đến hết năm 2025.

18 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	764.801.316.992	749.382.036.757
	764.801.316.992	**749.382.036.757**

Mẫu B09 - XS

19 . CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tại trụ sở Công ty	***4.213.663.478.600***	***4.139.979.043.589***
- Chi phí kinh doanh xổ số	4.209.470.920.018	4.135.978.102.011
+ Chi phí trả thưởng	*3.168.216.700.000*	*3.077.650.600.000*
+ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	*1.041.254.220.018*	*1.058.327.502.011*
- Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	*4.192.558.582*	*4.000.941.578*
Tại Chi nhánh	***6.648.445.970***	***7.201.944.133***
- Giá vốn dịch vụ phòng	6.071.945.948	6.639.110.246
- Giá vốn nhà hàng và dịch vụ khác	576.500.022	562.833.887
	4.220.311.924.570	**4.147.180.987.722**

(*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Chi phí cho các đại lý	971.778.338.820	952.170.695.740
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	*967.473.666.000*	*947.968.276.500*
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	*4.304.672.820*	*4.202.419.240*
2. Chi phí phục vụ xổ số	715.754.814	702.259.801
3. Chi phí quay số mở thưởng, khấu hao thiết bị	1.102.512.752	1.824.101.136
4. Chi phí chống số đề	508.500.000	280.150.000
5. Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	37.501.181.700
6. Chi phí giấy và công in vé xổ số	64.500.000.000	63.200.000.000
7. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	2.589.113.632	2.589.113.634
8. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
	1.041.254.220.018	**1.058.327.502.011**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	22.263.356.498	34.811.172.697
	22.263.356.498	**34.811.172.697**

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	16.437.514	(3.828.004.522)
	16.437.514	**(3.828.004.522)**

Mẫu B09 - XS

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	67.464.416.475	66.934.023.288
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	939.842.620	1.309.710.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.905.336.372	7.789.659.899
Thuế, phí, và lệ phí	2.070.120.453	1.937.922.612
Chi phí công tác an sinh xã hội	5.362.000.000	17.819.700.000
Chi phí quảng cáo	25.361.878.918	39.114.160.762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.117.250.243	11.834.841.837
Chi phí khác bằng tiền	13.631.633.632	12.323.254.837
	133.852.478.713	**159.063.273.544**

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, CCDC	1.677.862.653	342.509
Bán giấy phế liệu	542.173.637	611.029.999
Tiền sử dụng điện của các Công ty thuê văn phòng	717.828.430	598.370.122
Tiền thu hộ vé ế	96.363.638	96.363.638
Thu nhập khác	7.736.364	135.400.000
	3.041.964.722	**1.441.506.268**

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	774.190.677.518	733.240.021.320
Các khoản điều chỉnh tăng	1.801.064.558	3.287.131.704
- Chi phí không được trừ	*1.801.064.558*	*3.287.131.704*
Thu nhập chịu thuế TNDN	775.991.742.076	736.527.153.024
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	**155.198.348.415**	**147.305.430.605**
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	35.045.506.947	20.639.085.414
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(92.180.636.996)	(132.899.009.072)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	**98.063.218.366**	**35.045.506.947**

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Mẫu B09 - XS

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập của Ban Lãnh đạo, Trưởng Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	5.086.025.867	5.074.543.980

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phan Kim Ngọc	**Bùi Thị Yến Ni**	**Trần Minh Tâm**
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Công ty
		Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	**Cộng**
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	206.445.846.212	65.873.852.922	9.247.215.404	7.544.268.215	96.000.000	158.181.818	289.365.364.571
Số tăng trong năm	-	44.080.000	3.602.058.299	679.180.556	-	-	4.325.318.855
- Mua trong năm	-	*44.080.000*	*3.602.058.299*	*679.180.556*	-	-	*4.325.318.855*
Số giảm trong năm	-	-	(3.475.486.135)	-	-	-	(3.475.486.135)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(3.475.486.135)*	-	-	-	*(3.475.486.135)*
Số dư cuối năm	**206.445.846.212**	**65.917.932.922**	**9.373.787.568**	**8.223.448.771**	**96.000.000**	**158.181.818**	**290.215.197.291**
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	47.154.867.730	37.926.463.538	8.504.920.559	5.081.330.546	80.000.000	138.348.456	98.885.930.829
Số tăng trong năm	5.428.441.512	3.981.630.723	691.438.479	804.868.554	16.000.000	6.999.996	10.929.379.264
- Khấu hao trong năm	*5.428.441.512*	*3.981.630.723*	*691.438.479*	*804.868.554*	*16.000.000*	*6.999.996*	*10.929.379.264*
Số giảm trong năm	-	-	(3.475.486.135)	-	-	-	(3.475.486.135)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	*(3.475.486.135)*	-	-	-	*(3.475.486.135)*
Số dư cuối năm	**52.583.309.242**	**41.908.094.261**	**5.720.872.903**	**5.886.199.100**	**96.000.000**	**145.348.452**	**106.339.823.958**
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	159.290.978.482	27.947.389.384	742.294.845	2.462.937.669	16.000.000	19.833.362	190.479.433.742
Tại ngày cuối năm	**153.862.536.970**	**24.009.838.661**	**3.652.914.665**	**2.337.249.671**	**-**	**12.833.366**	**183.875.373.333**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.792.502.308 VND.

Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	43.383.886.139	578.905.752.820	575.545.060.925	46.744.578.034
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	56.837.446.710	764.801.316.992	760.170.000.000	61.468.763.702
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	35.045.506.947	155.198.348.415	92.180.636.996	98.063.218.366
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	264.704.302.079	589.284.194.970	552.104.302.079	301.884.194.970
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý vé số	3.600.000.000	48.588.916.941	48.288.916.941	3.900.000.000
- Thuế Thu nhập cá nhân cán bộ - công nhân viên và thù lao ngoài (i)	831.064.367	7.286.844.727	7.073.760.847	1.044.148.247
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	13.501.500.000	167.171.803.636	165.408.303.636	15.265.000.000
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	2.228.482.066	2.228.482.066	-
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	417.903.706.242	**2.313.469.660.567**	**2.203.003.463.490**	**528.369.903.319**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(i) Trong năm 2024, Công ty đã được hoàn thuế thu nhập cá nhân của Người quản lý, Trưởng Ban kiểm soát và người lao động số tiền 885.165.418 VND.